

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6-CẦN THƠ
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 08-5-2026
V/v Tranh chấp chia tài sản chung
sau khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6-CẦN THƠ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Sơn Thanh Bình.

Bà Sơn Thị Vành Đa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Anh Thư là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6-Cần Thơ, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6-Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Triệu Thị Mộng Lý – Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6-Cần Thơ, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 116/2025/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 5 năm 2025 về việc tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 157/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đặng Văn H, sinh ngày: 31/12/1985, CCCD: 094085010551; Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (nay ấp T, xã L, thành phố Cần Thơ).

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Kim Điền P, sinh ngày 15/7/1993, CCCD: 094093008492; Địa chỉ: ấp Trà Quýt A, xã Phú Tâm, thành phố Cần Thơ. Theo Giấy uỷ quyền lập ngày 13/3/2025 tại Uỷ ban nhân dân thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng (nay Uỷ ban nhân dân xã Mỹ Tú, thành phố Cần Thơ) (có mặt).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L; Địa chỉ: ấp M, xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (nay ấp M, thành phố Cần Thơ) (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 3 năm 2025 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Kim Điền P trình bày:

Nguyên đơn ông Đặng Văn H và bị đơn đơn bà Nguyễn Thị L đã ly hôn với nhau theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải tại Tòa án số 66/2022/QĐCNTTLH, ngày 07/09/2022 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng (nay Toà án nhân dân khu vực 6-Cần Thơ, thành phố Cần Thơ).

Về tài sản chung, trong quá trình chung sống, ông Hào và bà Liễu có tạo lập được số tài sản chung: Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 393, tờ bản đồ số 6, có diện tích đo thực tế 862.9m² tọa lạc tại ấp M, xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (nay ấp Mỹ Khánh B, xã Long Hưng, thành phố Cần Thơ) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số BQ 734463 do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 31 tháng 11 năm 2013 do ông Đặng Văn H và bà Nguyễn Thị L đứng tên trên đất có 01 căn nhà cấp 4 theo kết quả đo đạc, thẩm định ngày 25/8/2025, có số đo và tứ cận như sau:

Phần đất: Hướng Đông giáp với thửa 393, có số đo: 9.00m; Hướng Tây giáp với đường huyện 87, có số đo: 8.80m; Hướng Nam giáp với thửa 394, có số đo 54.27m + 28.23m + 12.26m + 21.68m; Hướng Bắc giáp với thửa 390 và thửa 392, có số đo 22.16m + 12.51m + 5.63m + 72.78m. Tổng diện tích 862.9m².

Phần tài sản gắn liền trên đất:

01 căn nhà cấp 4: Diện tích: Ngang 7.1m x dài 16.4m. Tổng diện tích: 116.44m²; kết cấu: Móng bê tông, khung cột bê tông, nền lát gạch men, vách tol, đỡ mái bằng thép + gỗ, mái tol, cửa nhôm + kính.

Mái che: Diện tích: Ngang 8.8m x dài 4m. Tổng diện tích: 35.2m², kết cấu: cột thép, đỡ mái bằng thép, mái lợp tol.

Hàng rào: Diện tích dài 16.8m x cao 2m. Tổng diện tích: 33.6m²; kết cấu cột thép, khung lưới B40 + khung thép.

Cây trồng trên đất: Cây Dừa 07 cây loại A.

Nay nguyên đơn ông Đặng Văn H yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về tài sản chung: anh Đặng Văn H yêu cầu chia đôi 50% tài sản chung của vợ chồng thuộc thửa đất số 393, tờ bản đồ số 6 và tài sản gắn liền trên đất là căn nhà cấp 4, theo kết quả định giá ngày 25/8/2025 là 1.592.000.000.000 đồng. Anh Hào yêu cầu được nhận giá trị 700.000.000 đồng và giao toàn bộ phần đất và nhà cho bà Nguyễn Thị L.

Toà án có tiền hành thu thập tài liệu chứng cứ là Biên bản thoả thuận lập ngày 09 tháng 12 năm 2024 bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà Liễu thống nhất với ông Hào, trong thời gian chung sống bà và ông có tạo lập được tài sản là Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 393, tờ bản đồ số 6, có diện tích đo thực tế 862.9m² tọa lạc tại ấp M, xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (nay ấp Mỹ Khánh B, xã Long Hưng, thành phố Cần Thơ) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 734463 do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 31 tháng 11 năm 2013 do ông Đặng Văn H và bà Nguyễn Thị L đứng tên trên đất có 01 căn nhà cấp 4. Bà Liễu đồng ý chia đôi tài sản sau khi chuyển nhượng xong thì bà Liễu và ông Hào mỗi người hưởng 50% giá trị tài sản.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị L: Sau khi thụ lý, Tòa án đã tóm tắt nội dung đơn khởi kiện và các yêu cầu của nguyên đơn ông Đặng Văn H tại Thông báo thụ lý vụ án số: 116/TB-TLVA, ngày 14 tháng 5 năm 2025 và đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn bà Nguyễn Thị L, cũng như đã triệu tập hợp lệ bà Nguyễn Thị L đến dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hai lần nhưng bà Nguyễn Thị L đều không đến dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Sau đó, Tòa án đã Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bà Nguyễn Thị L nhưng bà Nguyễn Thị L không gửi văn bản ghi ý kiến của bà Nguyễn Thị L đối với yêu cầu khởi kiện nêu trên của ông Đặng Văn H.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung vụ án:

Về tài sản chung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Đặng Văn H, cụ thể, giao Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 393, tờ bản đồ số 6, có diện tích đo thực tế 862.9m² tọa lạc tại ấp M, xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (nay ấp Mỹ Khánh B, xã Long Hưng, thành phố Cần Thơ) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 734463 do chủ tịch ủy ban nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 31 tháng 11 năm 2013 do ông Đặng Văn H và bà Nguyễn Thị L đứng tên, trên đất có 01 căn nhà cấp 4 theo kết quả đo đạc, thẩm định ngày 25/8/2025 và căn nhà cấp 4 cho bà Nguyễn Thị L tiếp tục quản lý, sử dụng. Bà Liễu có trách nhiệm trả cho ông Đặng Văn H theo giá trị là 700.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về sự có mặt, vắng mặt của những người tham gia tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Nguyễn Thị L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ hai lần nhưng cả hai lần đều vắng mặt không lý do. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[1.2] Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn: Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng (nay Tòa án nhân dân khu vực 6-Cần Thơ) nhận được đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Văn H cùng tài liệu, chứng cứ kèm theo do nguyên đơn ông Đặng Văn H nộp trực tiếp tại Tòa án. Ngay sau khi nhận được đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, Tòa án thực hiện thủ tục nhận, xử lý đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Văn H và thụ lý vụ án đúng quy định tại Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông Đặng Văn H yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung giữa ông và bị đơn bà Nguyễn Thị L, cư trú tại ấp Mỹ Khánh B, xã Long Hưng, tỉnh Sóc Trăng (nay ấp Mỹ Khánh B, xã Long Hưng, thành phố Cần Thơ). Căn cứ khoản 2 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng (nay Tòa án nhân dân khu vực 6-Cần Thơ) thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[1.4] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thẩm định, định giá tài sản tranh chấp nêu trên. Theo kết quả đo đạc, thẩm định ngày 25/8/2025, có số đo và tứ cận như sau:

Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 393, tờ bản đồ số 6, có diện tích đo thực tế 862.9m² (CLN) tọa lạc tại ấp M, xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (nay ấp Mỹ Khánh B, xã Long Hưng, thành phố Cần Thơ). Có vị trí: Hướng Đông giáp với thửa 395, có số đo: 9.00m; Hướng Tây giáp với đường huyện 87, có số đo: 8.80m; Hướng Nam giáp với thửa 394, có số đo 54.27m + 28.23m + 12.26m + 21.68m; Hướng Bắc giáp với thửa 390 và thửa 392, có số đo 22.16m + 12.51m + 5.63m + 72.78m. Tổng diện tích 862.9m².

Phần tài sản gắn liền trên đất:

01 căn nhà cấp 4: Diện tích: Ngang 7.1m x dài 16.4m. Tổng diện tích: 116.44m²; kết cấu: Móng bê tông, khung cột bê tông, nền lát gạch men, vách tol,

đỡ mái bằng thép + gỗ, mái tol, cửa nhôm + kính.

Mái che: Diện tích: Ngang 8.8m x dài 4m. Tổng diện tích: 35.2m², kết cấu: cột thép, đỡ mái bằng thép, mái lợp tol.

Hàng rào: Diện tích dài 16.8m x cao 2m. Tổng diện tích: 33.6m²; kết cấu cột thép, khung lưới B40 + khung thép.

Cây trồng 07 cây dừa loại A

Về kết quả định giá tài sản, theo chứng thư thẩm định giá Công ty cổ phần đầu tư và thẩm định giá Thành Nam:

- Quyền sử dụng đất thửa 393 có giá trị 1.455.154.867 đồng;
- Căn nhà cấp 4 có giá trị 103.619.956 đồng;
- Mái che có giá trị 7.414.880 đồng;
- Hàng rào 18.889.920 đồng.
- Cây trồng có giá 7.000.000 đồng.

Tòa án đã thông báo kết quả thẩm định, định giá tài sản nêu trên cho các đương sự, nguyên đơn thống nhất, riêng bị đơn không có ý kiến, cũng như không có yêu cầu Tòa án tiến hành thẩm định, định giá lại đối với tài sản tranh chấp nêu trên. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ kết quả nêu trên là cơ sở giải quyết vụ án theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét thấy, yêu cầu của nguyên đơn ông Đặng Văn H yêu cầu chia tài sản chung và ông nhận giá trị 700.000.000 đồng, giao toàn bộ nhà và đất cho bà Nguyễn Thị L quản lý, sử dụng theo kết quả định giá của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thẩm định giá Thành Nam là: 1.592.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử thấy rằng, trước đây ông Hào và bà Liễu có quan hệ hôn nhân hợp pháp và được giải quyết ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải tại Tòa án số 66/2022/QĐCNTTLH, ngày 07/09/2022 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng (nay Toà án nhân dân khu vực 6-Cần Thơ, thành phố Cần Thơ). Có nội dung giải quyết: Về hôn nhân anh Hào và chị Liễu thuận tình ly hôn; về con chung có 02 người con chung tên Đặng Thị Trúc Phụng (nữ, sinh ngày 20/11/2006) và Đặng Thuý Ngọc (nữ, sinh ngày 19/9/2019), ông bà thống nhất giao cháu Phụng cho anh Hào trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Ngọc cho bà Liễu trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Hào, bà Liễu đều không phải cấp dưỡng nuôi con. Về nợ chung, không có, tài sản chung chưa yêu cầu Toà án giải quyết.

[2.2] Sau khi ly hôn, ông Hào và bà Liễu đã lập Biên bản thỏa thuận ngày 09 tháng 12 năm 2024 về việc bà Nguyễn Thị L và ông Đặng Văn H đều thống nhất chia đôi tài sản chung của vợ chồng sau khi đã chuyển nhượng xong, thì bà

Liều và ông Hào mỗi người hưởng 50% giá trị tài sản. Tuy nhiên, sau đó bà Liều và ông Hào không thực hiện được thỏa thuận phân chia theo biên bản trên. Nên ông Hào khởi kiện ra Tòa án yêu cầu chia đôi số tài sản chung là quyền sử dụng đất thửa số 393, tờ bản đồ số 6 và tài sản gắn liền trên đất là căn nhà cấp 4 trên đất, ông xin nhận 50% giá trị nhà và đất theo kết quả thẩm định giá là 700.000.000 đồng. Đồng ý giao Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 393, tờ bản đồ số 6, có diện tích đo thực tế 862.9m² tọa lạc tại ấp M, xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (nay ấp Mỹ Khánh B, xã Long Hưng, thành phố Cần Thơ) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 734463 do Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 31 tháng 11 năm 2013 do ông Đặng Văn H và bà Nguyễn Thị L đứng tên trên đất có 01 căn nhà cấp 4 cho bà Liều quản lý, sử dụng vì hiện nay bà Liều đang quản lý, sử dụng căn nhà và đất cùng với các con.

[2.3] Hội đồng xét xử thấy rằng, theo Biên bản thỏa thuận ngày 09 tháng 12 năm 2024 của bà Liều và ông Hào lập, có chữ ký của các bên tham gia, tuy không có công chứng, chứng thực, nhưng khi được Tòa án thụ lý giải quyết thì cũng đã thông báo chứng cứ nêu trên cho bà Liều được biết, để tiếp cận và có ý kiến phản hồi đối với chứng cứ này, nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bà Liều vẫn không đưa ra ý kiến đối với Biên bản thỏa thuận nêu trên. Căn cứ theo khoản 2, 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự trong trường hợp không đồng ý thì bà Liều phải có văn bản nêu ý kiến của mình đối với tài liệu, chứng cứ là Biên bản thỏa thuận nêu trên do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án, nhưng bà Liều đã không có ý kiến phản hồi nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Biên bản thỏa thuận này để làm cơ sở giải quyết vụ án.

[2.4] Theo biên bản thỏa thuận này, nguyên đơn và bị đơn đều đồng ý chia đôi số tài sản chung nêu trên của vợ chồng và tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý nhận giá trị 700.000.000 đồng theo kết quả thẩm định giá ngày 25 tháng 8 năm 2025 và giao nhà và đất cho bà Nguyễn Thị L cùng các con chung quản lý, sử dụng. Thấy rằng, tổng giá trị tài sản tranh chấp là 1.592.000.000 đồng (làm tròn), mà nguyên đơn chỉ yêu cầu nhận 700.000.000 đồng là có lợi cho bị đơn và bị đơn được phân chia giá trị tài sản là 892.000.000 đồng. Do bị đơn được giao quản lý, sử dụng tài sản này nên phải có nghĩa vụ thối lại cho nguyên đơn 700.000.000 đồng. Đồng thời, tại phiên tòa nguyên đơn ông Đặng Văn H tự nguyện đồng ý chịu toàn bộ chi phí thẩm định giá và đo đạc số tiền 16.688.000 đồng, đồng ý chịu thêm 50% án phí đối với phần chia tài sản chung bà Liều được hưởng là trên số tiền 892.000.000 đồng (nguyên đơn đồng ý chịu 50% án phí cho bà Liều). Xét thấy, yêu cầu chia tài sản chung nêu trên của nguyên đơn là phù hợp và có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về chi phí tố tụng: Tổng cộng là 16.688.000.000 đồng, nguyên đơn ông Đặng Văn H đồng ý chịu toàn bộ và ông Hào đã thanh toán xong số tiền trên.

[4] Về án phí:

[4.1] Bị đơn bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí chia tài sản chung là

38.760.000 đồng theo quy định Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 24, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nhưng ông Đặng Văn H đồng ý chịu 50% án phí là 19.380.000 đồng, bà Liễu chịu 19.380.000 đồng.

[4.2] Nguyên đơn ông Đặng Văn H phải chịu án phí chia tài sản chung là: 32.000.000 đồng theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 24, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tổng cộng ông Hào chịu án phí chia tài sản chung là (32.000.000 đồng + 19.380.000 đồng) = 51.380.000 đồng.

[5] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 33, Điều 59 và Điều 62 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Căn cứ Điều 24, điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Văn H.
2. Chia tài sản chung là Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 393, tờ bản đồ số 6, có diện tích đo thực tế 862.9m² (CLN) tọa lạc tại ấp M, xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (nay ấp Mỹ Khánh B, xã Long Hưng, thành phố Cần Thơ) và tài sản gắn liền với đất. Tổng giá trị tài sản là 1.592.000.000 đồng (làm tròn).

Phân chia như sau:

Ông Đặng Văn H được nhận giá trị 700.000.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị L được nhận giá trị 892.000.000 đồng.

Giao toàn bộ tài sản chung: Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 393, tờ bản đồ số 6, có diện tích đo thực tế 862.9m² (CLN) tọa lạc tại ấp M, xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (nay ấp Mỹ Khánh B, xã Long Hưng, thành phố Cần Thơ). Có vị trí: Hướng Đông giáp với thửa 395, có số đo: 9.00m; Hướng Tây giáp với đường huyện 87, có số đo: 8.80m; Hướng Nam giáp với thửa 394, có số

đo 54.27m + 28.23m + 12.26m + 21.68m; Hướng Bắc giáp với thửa 390 và thửa 392, có số đo 22.16m + 12.51m + 5.63m + 72.78m. Tổng diện tích 862.9m² (kèm theo sơ đồ hiện trạng thửa đất).

Phân tài sản gắn liền trên đất:

01 căn nhà cấp 4: Diện tích: Ngang 7.1m x dài 16.4m. Tổng diện tích: 116.44m²; kết cấu: Móng bê tông, khung cột bê tông, nền lát gạch men, vách tol, đỡ mái bằng thép + gỗ, mái tol, cửa nhôm + kính.

Mái che: Diện tích: Ngang 8.8m x dài 4m. Tổng diện tích: 35.2m², kết cấu: cột thép, đỡ mái bằng thép, mái lợp tol.

Hàng rào: Diện tích dài 16.8m x cao 2m. Tổng diện tích: 33.6m²; kết cấu cột thép, khung lưới B40 + khung thép.

Cây trồng 07 cây dừa loại A

Bà Nguyễn Thị L có trách nhiệm trả cho ông Đặng Văn H giá trị tài sản bằng số tiền là 700.000.000 đồng.

Kể từ ngày nguyên đơn ông Đặng Văn H có đơn yêu cầu Thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bị đơn bà Nguyễn Thị L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải Thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Các đương sự đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh và đăng ký giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1 Nguyên đơn ông Đặng Văn H phải chịu án phí là 51.380.000 đồng. nhưng nguyên đơn được khấu trừ vào số tiền án phí ông Hào đã nộp là 6.875.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007634 ngày 13 tháng 5 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú (nay Phòng thi hành án dân sự khu vực 6, Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ), ông Đặng Văn H còn phải nộp thêm tiền án phí chênh lệch là Đặng Văn H 44.505.000 đồng.

3.2 Bị đơn bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí là 19.380.000 đồng.

4. Về chi phí tố tụng là 16.688.000 đồng, nguyên đơn ông Đặng Văn H đồng ý chịu toàn bộ và ông Hào đã thanh toán xong số tiền trên.

5. Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung), thì người được thi hành án dân sự, người

phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 6-Cần Thơ;
- Phòng THAKV6, THADS TPCT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thu Hồng

